

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7-2023

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Văn Hợp
- Ông Nguyễn Văn Kiện

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Duyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Quốc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2023 và Thông báo mở phiên tòa số: 06/2023/TB-TA ngày 23 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Bé Th, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng H

Địa chỉ: Phố L, phường H, quận M, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Q.T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Anh T - Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng A, huyện C – Chi nhánh Ngân hàng A tỉnh Kiên Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11-01-202023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé Th trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2000, chị Nguyễn Thị Bé Th và anh Nguyễn Trung T quen biết và tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên thường xuyên cãi nhau và do anh T hay nghi ngờ, ghen tuông không có căn cứ, từ đó xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị Th. Chị Th đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện nay chị Th không còn niềm tin và không còn tình cảm với anh T nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Th và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Anh Th1, sinh ngày 16-5-2005 đã trưởng thành và Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 03-3-2012. Chị Th đồng ý giao cháu Tr cho anh T nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Th xác nhận chị và anh T có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Châu Thành 20.000.000 đồng, tuy là nợ chung nhưng chị xin đứng ra trả cho Ngân hàng số tiền trên.

- Bị đơn anh Nguyễn Trung T trình bày tại Tòa án:

Anh T thống nhất với lời trình bày của chị Th về hôn nhân, nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn thì không đúng vì chị Th có mối quan hệ bất chính bên ngoài nên chị Th yêu cầu xin ly hôn với anh chứ vợ chồng không có cự cãi gì, anh cũng không có lỗi gì. Về con chung là đúng, về tài sản chung và nợ chung là đúng. Nay chị Th xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, thương con, anh muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T xác nhận vợ chồng anh có nợ Ngân hàng A huyện C 20.000.000 đồng. Tùy Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt.

- Ông Nguyễn Anh T - Đại diện theo ủy quyền của Ngân A trình bày tại Tòa án:

Ngày 20-4-2021 Phòng giao dịch Ngân hàng A huyện C nhận được hồ sơ vay vốn từ tổ TK&VV ấp H bình xét cho vay đối với chị Nguyễn Thị Bé Th và đã giải ngân số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất vay là 0,9%/tháng, mục đích vay vốn xây cây nước, xây nhà vệ sinh. Tính đến ngày 20/3/2023 tổng số tiền gốc và lãi mà chị Nguyễn Thị Bé Th còn phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng A huyện C là 17.000.000 đồng. Trong đó nợ gốc là 17.000.000 đồng, nợ lãi là 0 đồng.

Nay chị Nguyễn Thị Bé Th và anh Nguyễn Trung T đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thì Phòng giao dịch Ngân hàng A huyện C xét

thấy chị Th vẫn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ cho Phòng giao dịch Ngân hàng Ngân hàng A huyện C nên Ngân hàng xin rút yêu cầu độc lập đối với chị Nguyễn Thị Bé Th và anh Nguyễn Trung T về việc yêu cầu chị Th và anh T trả số tiền nợ gốc là 17.000.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng A xin vắng mặt.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé Th đối với bị đơn anh Nguyễn Trung T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 11-01-2023 chị Nguyễn Thị Bé Th có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Trung T. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Trung T không có mặt theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Thông báo mở phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Bé Th và anh Nguyễn Trung T chung sống với nhau vào năm 2000 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã UBND xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bé Th:* Vợ chồng chị Nguyễn Thị Bé Th và anh Nguyễn Trung T không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nữa, thể hiện qua lời trình bày của chị Th và anh T tại Tòa án: Chị Th và anh T có nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do anh T hay nghi ngờ, ghen tuông không có căn cứ, dùng lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm chị Th. Mặt khác, theo trình bày của chị Th thì hiện nay chị đã mất lòng tin và không còn tình cảm với anh T, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị Th xin ly hôn với anh T là có căn cứ để chấp nhận.

[4] *Về nuôi con chung*: Chị Nguyễn Thị Bé Th và anh Nguyễn Trung T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Anh Th1, sinh ngày 16-5-2005 và Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 03-3-2012. Cháu Th hiện nay đã trưởng thành, chị Th và anh T thống nhất thỏa thuận giao cháu Tr cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu Tr), anh T không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con vì anh có đủ điều kiện kinh tế nuôi con được. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận nuôi con chung giữa chị Th và anh T. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Chị Th và anh T đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Chị Th và anh T có vay tiền của Ngân hàng A - Phòng giao dịch Ngân hàng A huyện C số tiền 20.000.000 đồng, hiện nay còn nợ lại 17.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng rút lại yêu cầu khởi kiện độc lập đối với chị Th và anh T về việc yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 17.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

[7] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[8] *Về án phí*: Chị Th là nguyên đơn trong vụ án, do đó chị phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án và tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngân hàng A không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 201, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bé Th và anh Nguyễn Trung T.

2. Về nuôi con chung: Cháu Nguyễn Thị Anh Th1, sinh ngày 16-5-2005 nay đã trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Bé Th và anh Nguyễn Trung T về việc giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 03-3-2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Nguyễn Thị Bé Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Bé Th và anh Nguyễn Trung T đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng A đối với chị Th và anh T về việc yêu cầu trả số tiền nợ gốc 17.000.000 đồng.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bé Th phải nộp 300.000 đồng nhưng chị Th được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005279 ngày 12-01-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Th không phải nộp thêm.

Ngân hàng A không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Xuân

